

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
Số Nguyễn Trãi Street, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỤC LỤC

BẢNG MÔ TẢ CÁC CHỈ SỐ

BẢNG MÔ TẢ CÁC CHỈ SỐ (TIẾP THEO)

BẢNG MÔ TẢ CÁC CHỈ SỐ (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết
thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 37

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 ("Công ty") tiền thân là Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.9, là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp điện 3.9 theo Quyết định số 160/2004/QĐ-BCN ngày 06 tháng 12 năm 2004 của Bộ Công nghiệp. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006, Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.9 được đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 37300127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4200580651 đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 4.100.000.000 VND và được thay đổi nhiều lần trong quá trình kinh doanh. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 4 năm 2016 là 115.961.650.000 VND.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : (058) 3525 404
- Fax : (058) 3522 394

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV và các công trình nguồn điện;
- Xây dựng công trình cửa;
- Xây dựng đường hầm;
- Các công việc xây dựng khác không phải nhà;
- Tư vấn, thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình giao thông đường bộ;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lý, môi giới các mặt bằng trang trí nội thất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn đồ uống; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hay mục đích khác;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện; và
- Trồng rừng và chăm sóc rừng khác. Kinh doanh dưới tán cây rừng.

95-C
TY
KHÁNH
HÒA
NAM
5 CHỈ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Chí Linh	Chủ tịch	01 tháng 5 năm 2012	
Ông Nguyễn Văn Duyệt	Phó Chủ tịch	01 tháng 5 năm 2012	
Bà Vũ Thị Thanh Nga	Ủy viên	01 tháng 5 năm 2012	
Ông Hồ Văn Quang	Ủy viên	01 tháng 5 năm 2012	
Ông Nguyễn Văn Cải	Ủy viên	01 tháng 5 năm 2012	

Ban kiểm soát

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Phạm Thị Thương	Trưởng ban	01 tháng 5 năm 2012	
Bà Vương Thị Thanh Huyền	Thành viên	01 tháng 5 năm 2012	
Ông Đặng Văn Nguyên	Thành viên	01 tháng 5 năm 2012	

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Duyệt	Giám đốc	03 tháng 5 năm 2012	16 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Công Quyền	Giám đốc	16 tháng 4 năm 2016	
Ông Trương Văn Sanh	Phó Giám đốc	03 tháng 5 năm 2012	
Ông Thái Bá Tuấn	Phó Giám đốc	03 tháng 5 năm 2012	
Ông Lê Ngọc Anh	Kế toán trưởng	03 tháng 5 năm 2012	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Duyệt	Giám đốc	03 tháng 5 năm 2012	16 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Công Quyền	Giám đốc	16 tháng 4 năm 2016	

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2015 số 120/2016/VE9-PH ngày 19 tháng 7 năm 2016, Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức theo công văn số 121/2016/VE9-PH ngày 19 tháng 7 năm 2016, chi tiết như sau:

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9;

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND;

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 927.693 cổ phiếu;

Ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức: 05/07/2016.

Kết quả phát hành cổ phiếu:

Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 927.448 cổ phiếu;

Số cổ đông được phân phối: 636 cổ đông;

Phương thức xử lý số lượng cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức năm 2015 sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn xuống sẽ được hủy bỏ;

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Công ty là 12.523.613 tương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN CÔNG QUYỀN
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 8 năm 2016

Số: 94/2016/BCSX-HCM.00561

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 (gọi tắt là "Công ty") lập tại ngày 08 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



BUI TUYẾT VÂN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0071-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2016

TRẦN THỊ HOÀNG YẾN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2131-2013-009-1

004489
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
AFC VIỆT NAM
- TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.765.553.534	99.161.298.274
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.918.759.285	8.477.452.768
Tiền	111		1.918.759.285	8.477.452.768
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.664.325.279	80.917.738.794
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.025.818.375	34.620.173.642
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	640.790.571	566.065.002
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	32.997.371.358	24.530.217.358
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	16.862.009.994	22.036.077.066
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(861.665.019)	(861.665.019)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	26.870.745
Hàng tồn kho	140	5.7	15.182.468.970	9.766.106.712
Hàng tồn kho	141		15.726.298.253	10.309.935.995
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(543.829.283)	(543.829.283)
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.234.892.047	98.255.226.112
Tài sản cố định	220		30.395.514.500	32.927.333.540
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	12.172.198.465	13.001.867.505
Nguyên giá	222		24.503.312.675	24.503.312.675
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.331.114.210)	(11.501.445.170)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	18.223.316.035	19.925.466.035
Nguyên giá	228		18.326.859.091	20.015.259.091
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.543.056)	(89.793.056)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.177.253.761	1.177.253.761
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	1.177.253.761	1.177.253.761
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		62.924.949.373	63.174.949.373
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.11	62.924.949.373	62.924.949.373
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	-	250.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		737.174.413	975.689.438
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	737.174.413	975.689.438
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		186.000.445.581	197.416.524.386

5-C.T
Y
DU HẠN
IN
AM
CHỈ M

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		58.481.379.766	67.109.249.616
Nợ ngắn hạn	310		40.747.986.266	46.745.984.116
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	980.894.545	6.274.547.770
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	221.242.061	513.868.850
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.807.036.482	3.013.235.134
Phải trả người lao động	314	5.15	857.698.921	1.850.968.082
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	838.418.947	4.547.278.166
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	1.144.375.883	1.539.720.493
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18.1	33.784.213.483	28.290.109.677
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.19	1.114.105.944	716.255.944
Nợ dài hạn	330		17.733.393.500	20.363.265.500
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	218.050.000	218.050.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18.2	17.515.343.500	20.145.215.500
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.519.065.815	130.307.274.770
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	127.519.065.815	130.307.274.770
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.961.650.000	115.961.650.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.961.650.000	115.961.650.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		270.000.000	270.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		579.050.700	579.050.700
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.681.829.310	2.681.829.310
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.015.814.760	186.969.893
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.010.721.045	10.627.774.867
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.276.930.000	8.982.691.786
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(2.266.208.955)	1.645.083.081
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		186.000.445.581	197.416.524.386

(Handwritten signature)

HÒ NGỌC QUỐC THÁI
Người lập biểu

LÊ NGỌC ANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN CÔNG QUYÊN
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	32.360.258.923	28.256.918.331
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		32.360.258.923	28.256.918.331
Giá vốn hàng bán	11	6.2	27.528.092.721	18.297.700.615
Lợi nhuận gộp	20		4.832.166.202	9.959.217.716
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9.698.367	5.409.232
Chi phí tài chính	22	6.4	2.286.796.499	2.405.891.851
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2.286.796.499	2.405.891.851
Chi phí bán hàng	24		22.573.112	16.344.256
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	4.420.446.397	4.955.663.341
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(1.887.951.439)	2.586.727.500
Thu nhập khác	31	6.6	7.741.240	260.380.836
Chi phí khác	32	6.7	363.443.484	16.599.888
Lợi nhuận khác	40		(355.702.244)	243.780.948
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.243.653.683)	2.830.508.448
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.4	22.555.272	622.711.859
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.266.208.955)	2.207.796.589

HỒ NGỌC QUỐC THÁI
Người lập biểu

LÊ NGỌC ANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN CÔNG QUYÊN
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(2.243.653.683)	2.830.508.448
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	843.419.040	788.912.096
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	178.701.633	(141.772.868)
Chi phí lãi vay	06	2.286.796.499	2.405.891.851
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.065.263.489	5.883.539.527
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	15.120.567.515	(971.242.794)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(5.416.362.258)	(712.667.693)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(11.332.862.575)	(20.207.831.802)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	238.515.025	(176.027.671)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.286.796.499)	(2.498.282.718)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(651.644.353)	(374.922.074)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(52.150.000)	(4.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.315.469.656)	(19.061.435.225)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(533.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	136.363.636
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.750.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	4.282.846.000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.350.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.698.367	5.409.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.107.455.633)	(391.227.132)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	35.138.372.727	39.572.735.208
Tiền trả nợ gốc vay	34	(32.274.140.921)	(34.776.478.123)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.864.231.806	4.796.257.085
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(6.558.693.483)	(14.656.405.272)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	8.477.452.768	15.687.490.103
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	1.918.759.285	1.031.084.831

HÒ NGỌC QUỐC THÁI

LÊ NGỌC ANH

NGUYỄN CÔNG QUYỀN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 ("Công ty") tiền thân là Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.9, là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp điện 3.9 theo Quyết định số 160/2004/QĐ-BCN ngày 06 tháng 12 năm 2004 của Bộ Công nghiệp. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006, Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.9 được đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 37300127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4200580651 đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là:

- Xây dựng các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV và các công trình nguồn điện;
- Xây dựng công trình cửa;
- Xây dựng đường hầm;
- Các công việc xây dựng khác không phải nhà;
- Tư vấn, thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình giao thông đường bộ;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lý, môi giới các mặt bằng trang trí nội thất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn đồ uống; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hay mục đích khác;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện và
- Trồng rừng và chăm sóc rừng khác. Kinh doanh dưới tán cây rừng.

48993
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG
VNECO 9
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
 44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là lĩnh vực xây dựng, do đó Công ty không xác định được chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang	Số 44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh nhà hàng; Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa và các dịch vụ du lịch khác; Vận chuyển khách du lịch đường bộ; Kinh doanh bia, rượu; Kinh doanh thuốc lá điều sản xuất trong nước	53,30%	53,30%	53,30%
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA	Nhà máy nước khoáng Tu Bông, Xã Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất kinh doanh điện năng; Sản xuất lắp ráp sản phẩm điện - điện tử - cơ khí; Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV và các công trình nguồn điện, xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi; Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Buôn bán sản phẩm điện - điện tử - cơ khí; Mua bán các loại vật liệu xây dựng, các mặt hàng trang trí nội, ngoại thất; Sản xuất và mua bán nước khoáng đóng chai; nước khoáng nguyên liệu; Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ kèm theo; Kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa	20%	20%	20%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khách sạn Xanh Nha Trang	Số 06 Đường Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

1.6 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 135 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 89 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được trích lập khi công ty con, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, liên kết. Nếu công ty con, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3004
CỔ
SÁCH N
KIẾP
1FC V
7 - TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí khác

Các chi phí khác gồm: chi phí cho đề án bảo vệ môi trường và chi phí bảo trì thang máy được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 1 năm.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa

4899
NG T
NEM H
TOA
ET H
HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 – 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm kế toán

Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 - 6 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

5-C.T.1
Y
U HẠN
N
AM
CHI MÃN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập (tiếp theo)

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.18 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Điện Địa Nhiệt LIOA	Công ty liên kết
Công ty TNHH Nhật Linh	Công ty thuộc sở hữu Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Thiết bị điện LIOA	Công ty thuộc sở hữu Chủ tịch Hội đồng quản trị

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt - VND	12.421.090	755.796.643
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	1.775.849.135	7.529.133.007
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	130.489.060	192.523.118
	1.918.759.285	8.477.452.768

Chi tiết số dư tiền và các khoản tương đương tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	6.062,94	130.489.060

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Nhật Linh	20.458.548.767	20.458.548.767
Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang	40.079.691	-
Công ty cổ phần Điện Địa Nhiệt LIOA	11.515.000	11.515.000
Phải thu các khách hàng khác		
Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Tổng		
Công ty Điện lực Miền Nam	1.037.092.094	6.786.008.501
Công ty lưới điện cao thế Miền Nam	533.267.965	4.554.783.398
Ngô Thanh Long	1.500.000.000	-
Các khách hàng khác	445.314.858	2.809.317.976
	24.025.818.375	34.620.173.642



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty TNHH Nhật Linh	26.730.047	26.730.047
Công ty TNHH Thiết Bị Điện LIOA	231.963.436	231.963.436
Trả trước cho người bán khác		
Ông Nguyễn Bá Thưởng	90.000.000	90.000.000
Các nhà cung cấp khác	292.097.088	217.371.519
	640.790.571	566.065.002

5.4 Khoản thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang	32.997.371.358	24.530.217.358
	32.997.371.358	24.530.217.358

Khoản ứng vốn cho Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang, không lãi suất với thời hạn 12 tháng.

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	30/06/2016 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2016 Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty cổ phần Điện Địa Nhiệt LIOA – chi hộ	464.623.369	-	448.468.369	-
Ông Nguyễn Chí Linh	9.900.000.000	-	12.000.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	4.834.158.622	315.474.134	8.088.670.912	315.474.134
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.663.228.003	314.484.174	1.498.937.785	314.484.174
	16.862.009.994	629.958.308	22.036.077.066	629.958.308

5.6 Nợ xấu

	30/06/2016			01/01/2016		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị đã dự phòng VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị đã dự phòng VND
Các tổ chức và cá nhân khác						
Phải thu tiền bán hàng						
• Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Trên 3 năm	46.488.430	46.488.430	Trên 3 năm	46.488.430	46.488.430
• Khách hàng khác	Trên 3 năm	64.328.859	64.328.859	Trên 3 năm	64.328.859	64.328.859
Trả trước người bán						
• Nhà cung cấp khác	Trên 3 năm	120.889.422	120.889.422	Trên 3 năm	120.889.422	120.889.422
Phải thu khác						
• Ông Trần Duy Long	Trên 3 năm	170.600.000	170.600.000	Trên 3 năm	170.600.000	170.600.000
• Các đối tượng khác	Trên 3 năm	459.358.308	459.358.308	Trên 3 năm	459.358.308	459.358.308
		861.665.019	861.665.019		861.665.019	861.665.019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Nợ xấu (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND		2015 VND
Tại ngày đầu kỳ/ năm	861.665.019		1.094.743.963
Hoàn nhập dự phòng	-		(233.078.944)
Tại ngày cuối kỳ/ năm	861.665.019		861.665.019

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.650.683.178	-	1.243.608.158	-
Công cụ, dụng cụ	72.039.999	-	61.219.999	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.976.901.864	543.829.283	8.971.277.430	543.829.283
Hàng hóa	26.673.212	-	33.830.408	-
	15.726.298.253	543.829.283	10.309.935.995	543.829.283

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016	17.226.125.664	3.209.039.693	3.976.136.712	92.010.606	24.503.312.675
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	17.226.125.664	3.209.039.693	3.976.136.712	92.010.606	24.503.312.675
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016	6.443.753.603	2.578.943.106	2.408.766.266	69.982.195	11.501.445.170
Khấu hao trong kỳ	551.507.740	69.178.572	208.982.728	-	829.669.040
Tại ngày 30/06/2016	6.995.261.343	2.648.121.678	2.617.748.994	69.982.195	12.331.114.210
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	10.782.372.061	630.096.587	1.567.370.446	22.028.411	13.001.867.505
Tại ngày 30/06/2016	10.230.864.321	560.918.015	1.358.387.718	22.028.411	12.172.198.465

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2016	346.351.202	2.279.121.852	2.152.576.441	80.010.606	4.858.060.101
Tại ngày 30/06/2016	346.351.202	2.279.121.852	2.152.576.441	80.010.606	4.858.060.101

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 12.918.565.484 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng MB bank và HD bank. (Chi tiết xem thuyết minh số 5.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
 44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	19.893.459.091	121.800.000	20.015.259.091
Thanh lý trong kỳ	(1.688.400.000)	-	(1.688.400.000)
Tại ngày 30/06/2016	18.205.059.091	121.800.000	18.326.859.091
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	-	89.793.056	89.793.056
Khấu hao trong kỳ	-	13.750.000	13.750.000
Tại ngày 30/06/2016	-	103.543.056	103.543.056
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	19.893.459.091	32.006.944	19.925.466.035
Tại ngày 30/06/2016	18.205.059.091	18.256.944	18.223.316.035
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>			
Tại ngày 01/01/2016	-	66.800.000	66.800.000
Tại ngày 30/06/2016	-	66.800.000	66.800.000

Tài sản vô hình là quyền sử dụng đất do Công ty sở hữu bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, địa chỉ số 06, Đường Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa với nguyên giá là 17.184.150.000 VND. Giá trị quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Nha Trang.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 22 - 24 Đường số 52, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 1.020.909.091 VND. Giá trị quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa.

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2016	Phát sinh tăng	Kết chuyển tăng TSCĐ	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Chi phí mua đất (*)	1.005.000.000	-	-	1.005.000.000
Chi phí cải tạo văn phòng	172.253.761	-	-	172.253.761
	1.177.253.761	-	-	1.177.253.761

(*) Chi phí mua lô đất tại thửa đất số 530, tờ bản đồ số 02, Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 6640 ngày 21 tháng 03 năm 2011. Hiện tại, các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Công ty vẫn đang được tiến hành.

4489
 CÔNG T
 NHIỆM H
 M T O
 VIỆT T
 TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	62.924.949.373	-	62.924.949.373	62.924.949.373	-	62.924.949.373
Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang (*)	57.289.000.000	-	57.289.000.000	57.289.000.000	-	57.289.000.000
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA (**)	5.635.949.373	-	5.635.949.373	5.635.949.373	-	5.635.949.373
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	250.000.000	-	250.000.000
Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chò	-	-	-	250.000.000	-	250.000.000
	62.924.949.373	-	62.924.949.373	63.174.949.373	-	63.174.949.373

(*) Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang được thành lập bởi các cổ đông sáng lập là Công ty TNHH Nhật Linh, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Nha Trang và ông Nguyễn Chí Linh. Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200692281 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 29 tháng 5 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Trụ sở chính của Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang đặt tại số 44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 7 ngày 04 tháng 06 năm 2014 là 130 tỷ VND trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 đăng ký góp 69,289 tỷ VND (tương đương 53,3% vốn điều lệ).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Kinh doanh nhà hàng; Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa và các dịch vụ du lịch khác; Vận chuyển khách du lịch đường bộ; Kinh doanh bia, rượu; Kinh doanh thuốc lá điều sản xuất trong nước.

Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang đã đầu tư và hiện đang khai thác khách sạn đạt tiêu chuẩn 4 sao với tổng mức đầu tư khoảng 385 tỷ VND.

(**) Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA được thành lập bởi các cổ đông sáng lập là Công ty TNHH Nhật Linh, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9, ông Nguyễn Chí Linh và ông Trần Trọng Thắng. Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4201185735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 26 tháng 5 năm 2010.

Trụ sở chính: Nhà máy nước khoáng Tu Bông, Xã Vạn Thọ, Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100 tỷ VND, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 đăng ký góp 20 tỷ VND (tương đương 20% vốn điều lệ).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là: Sản xuất kinh doanh điện năng; Sản xuất lắp ráp sản phẩm điện - điện tử - cơ khí; Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV và các công trình nguồn điện, xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi; Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Buôn bán sản phẩm điện - điện tử - cơ khí; Mua bán các loại vật liệu xây dựng, các mặt hàng trang trí nội, ngoại thất; Sản xuất và mua bán nước khoáng đóng chai; nước khoáng nguyên liệu; Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ kèm theo; Kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang		
• Tạm ứng vốn	12.750.000.000	3.850.000.000
• Dịch vụ ăn uống	54.764.639	70.226.979
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt LIOA		
• Chi hộ	16.155.000	22.530.750
5.12 Phải trả người bán ngắn hạn		
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty cổ phần Du lịch xanh Nha Trang	322.731.414	328.840.313
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO1	-	2.054.204.452
Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO11	-	1.505.056.055
Công ty cổ phần cơ điện Hoàng Hưng	-	1.597.639.801
Các nhà cung cấp khác	658.163.131	788.807.149
	980.894.545	6.274.547.770
5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	4.267.032	299.882.381
Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung	162.500.000	162.500.000
Các khách hàng khác	54.475.029	51.486.469
	221.242.061	513.868.850

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phát sinh trong kỳ		30/06/2016
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.826.210.115	538.487.176	(1.110.763.677)	1.253.933.614
Thuế thu nhập doanh nghiệp	651.644.353	22.555.272	(651.644.353)	22.555.272
Thuế thu nhập cá nhân	274.036.452	200.911.950	(205.745.020)	269.203.382
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	261.344.214	4.000.000	(4.000.000)	261.344.214
Cộng	3.013.235.134	765.954.398	(1.972.153.050)	1.807.036.482

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.243.653.683)	2.830.508.448
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(2.243.653.683)	2.830.508.448
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.555.272	622.711.859

5.15 Phải trả người lao động

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền lương phải trả	857.698.921	1.850.968.082
	857.698.921	1.850.968.082

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	74.679.454
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	838.418.947	4.472.598.712
	838.418.947	4.547.278.166

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
 44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	85.764.000	88.297.000
Phải trả công trình	320.783.413	1.131.400.133
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	662.766.466	316.961.356
Cổ tức phải trả	2.380.000	2.380.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	72.682.004	682.004
	1.144.375.883	1.539.720.493

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam – thu hộ	204.750.000	204.750.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.300.000	13.300.000
	218.050.000	218.050.000

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
HD Bank Khánh Hòa (*)	32.124.469.483	32.124.469.483	26.630.761.677	26.630.761.677
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 5.18.2)	1.659.744.000	1.659.744.000	1.659.348.000	1.659.348.000
	33.784.213.483	33.784.213.483	28.290.109.677	28.290.109.677

(*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Khánh Hòa (HD Bank Khánh Hòa) bằng VND theo Hợp đồng tín dụng số 156A/14/HĐTDHM-DN để bổ sung vốn kinh doanh. Hạn mức vay là 30.000.000.000 VND, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng, lãi suất của các khoản vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh tùy vào từng thời kỳ khác nhau.

Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, số 06 Đường Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BĐ 293735, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CT-01161 ngày 14/3/2012 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa cấp. Tổng giá trị tài sản thế chấp được định giá là 130.304.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp số 172B/2013/HĐTC ký ngày 25 tháng 12 năm 2013 và Hợp đồng thế chấp bổ sung số 172B/2013/HĐTC/PL 01 ngày 12 tháng 09 năm 2014.

30042
 CÔNG
 ÁCH NH
 KIỂM
 AFC V
 7 - T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư nợ vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Khánh Hòa là 32.124.469.483 VND theo 27 Khế ước nhận nợ, với lãi suất 8,5%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2016 VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	30/06/2016 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	26.630.761.677	35.138.372.727	(29.644.664.921)	32.124.469.483
Vay dài hạn đến hạn trả	1.659.348.000	829.872.000	(829.476.000)	1.659.744.000
	28.290.109.677	35.968.244.727	(30.474.140.921)	33.784.213.483

5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn				
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay dài hạn ngân hàng				
• MB Bank Khánh Hòa (*)	1.275.087.500	1.275.087.500	1.504.563.500	1.504.563.500
• HD Bank Khánh Hòa (**)	17.900.000.000	17.900.000.000	18.500.000.000	18.500.000.000
Vay dài hạn các cá nhân				
• Ông Hồ Ngọc Quốc Thái	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000
	19.175.087.500	19.175.087.500	21.804.563.500	21.804.563.500
Nợ dài hạn đến hạn trả				
• MB Bank Khánh Hòa (*)	(459.744.000)	(459.744.000)	(459.348.000)	(459.348.000)
• HD Bank Khánh Hòa (**)	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
	(1.659.744.000)	(1.659.744.000)	(1.659.348.000)	(1.659.348.000)
	17.515.343.500	17.515.343.500	20.145.215.500	20.145.215.500

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa (MB Bank Khánh Hòa) theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1374.14.800.877987.TD ngày 04 tháng 11 năm 2014, với số tiền vay là 1.600.000.000 VND để thanh toán tiền mua xe ô tô Toyota. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong 12 tháng đầu tiên là 8,8%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo lãi suất huy động tiết kiệm dân cư loại 12 tháng VND (lãi trả sau), cộng lãi suất biên 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là xe ô tô Toyota, số đăng ký xe 002818, có tổng giá trị là 2.071.000.000 VND theo hợp đồng đảm bảo số 795.14.800.877987.DB ngày 04 tháng 11 năm 2014.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa là 1.275.087.500 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Vay dài hạn (tiếp theo)

(**) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Nha Trang (HD Bank Khánh Hòa) theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0156B/HĐTDTDH-DN/044 ngày 15 tháng 9 năm 2014, với số tiền vay là 20.000.000.000 VND, mục đích sử dụng vốn vay là cơ cấu lại khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty. Thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể và được điều chỉnh theo thông báo của HD Bank theo thời gian vay thực tế kể cả thời gian vượt quá thời hạn vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11 địa chỉ số 06 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 130.304.000.000 VND.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Khánh Hòa là 17.900.000.000 VND theo Khế ước nhận nợ số 0156B/14/HĐTDTDH-DN/044/KUNN-01, với lãi suất 11%/năm, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày nhận nợ (đến ngày 16 tháng 09 năm 2024).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay dài hạn ngân hàng	19.175.087.500	1.659.744.000	7.215.343.500	10.300.000.000
	19.175.087.500	1.659.744.000	7.215.343.500	10.300.000.000
Tại ngày 01/01/2016				
Vay dài hạn ngân hàng	20.004.563.500	1.659.348.000	7.445.215.500	10.900.000.000
Vay dài hạn cá nhân	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
	21.804.563.500	1.659.348.000	9.245.215.500	10.900.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	01/01/2016 VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	30/06/2016 VND
Vay dài hạn ngân hàng	20.054.693.500	-	(2.629.872.000)	17.515.343.500
Vay dài hạn cá nhân	1.800.000.000	-	(1.800.000.000)	-
	21.854.693.500	-	(4.429.872.000)	17.515.343.500

5.18.3 Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2016 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong kỳ VND	30/06/2016 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	716.255.944	250.000.000	(52.150.000)	914.105.944
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	200.000.000	-	200.000.000
	716.255.944	450.000.000	(52.150.000)	1.114.105.944

G TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
 guyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
UYẾT MINH BÁO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Năm/kỳ trước	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	78.479.290.000	270.000.000	579.050.700	2.491.829.310	-	10.031.661.679	91.851.831.689
Lãi 6 tháng đầu năm	-	-	-	-	-	2.207.796.589	2.207.796.589
Trích lập các quỹ	-	-	-	190.000.000	186.969.893	(976.969.893)	(600.000.000)
Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	-	-	-	-	-	(72.000.000)	(72.000.000)
Tại ngày 30/06/2015	78.479.290.000	270.000.000	579.050.700	2.681.829.310	186.969.893	11.190.488.375	93.387.628.278
Tăng vốn từ phát hành thêm cổ phiếu	37.482.360.000	-	-	-	-	-	37.482.360.000
Lỗ 6 tháng cuối năm	-	-	-	-	-	(562.713.508)	(562.713.508)
Tại ngày 31/12/2015	115.961.650.000	270.000.000	579.050.700	2.681.829.310	186.969.893	10.627.774.867	130.307.274.770
Năm/kỳ này							
Tại ngày 01/01/2016	115.961.650.000	270.000.000	579.050.700	2.681.829.310	186.969.893	10.627.774.867	130.307.274.770
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	(2.266.208.955)	(2.266.208.955)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	828.844.867	(1.278.844.867)	(450.000.000)
Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	-	-	-	-	-	(72.000.000)	(72.000.000)
Tại ngày 30/06/2016	115.961.650.000	270.000.000	579.050.700	2.681.829.310	1.015.814.760	7.010.721.045	127.519.065.815

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.20.2 Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.948.324	10.948.324
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.948.324	10.948.324
- Cổ phiếu phổ thông	10.948.324	10.948.324
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu bằng cổ tức	647.841	647.841
- Cổ phiếu phổ thông	647.841	647.841
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.596.165	11.596.165
- Cổ phiếu phổ thông	11.596.165	11.596.165
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/CP.

Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2015 số 120/2016/VE9-PH ngày 19 tháng 7 năm 2016, Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức theo công văn số 121/2016/VE9-PH ngày 19 tháng 7 năm 2016, chi tiết như sau:

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO9;

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND;

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 927.693 cổ phiếu;

Ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức: 05/07/2016.

Kết quả phát hành cổ phiếu:

Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 927.448 cổ phiếu;

Số cổ đông được phân phối: 636 cổ đông;

Phương thức xử lý số lượng cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức năm 2015 sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn xuống sẽ được hủy bỏ;

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Công ty là 12.523.613 tương ứng vốn điều lệ 125.236.130.000 VND (số lượng cổ phiếu quỹ: 0).

5.20.3 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 110/2016/NQ-VNECO9 ngày 26 tháng 3 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu (8%)	9.276.930.000
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	250.000.000
• Trích lập quỹ khác	828.844.867
• Trích lập quỹ thường ban điều hành	200.000.000
• Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	72.000.000
	10.627.774.867

Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 tại ngày 26 tháng 3 năm 2016 của Công ty đã quyết định không thực hiện chi trả cổ tức năm 2014 được quy định tại Nghị quyết 07/2015/NQ-VNECO9 ngày 29 tháng 3 năm 2015 của ĐHĐCĐ (tổng giá trị cổ tức chi trả là 6.840.000.000 VND, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo hợp nhất chỉ có 6.375.868.712 VND), do đó Công ty chuyển sang thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 căn cứ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Phương án phân phối: chi trả cổ phiếu bằng cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	30/06/2016	01/01/2016
Dollar Mỹ (USD)	6.062,94	8.575,64

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu - cung cấp dịch vụ	5.762.097.123	5.516.341.375
Doanh thu - hợp đồng xây dựng	26.598.161.800	22.740.576.956
	<u>32.360.258.923</u>	<u>28.256.918.331</u>

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số 5.11. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty TNHH Nhật Linh	21.865.202.424	2.925.478.698

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn - cung cấp dịch vụ	3.765.926.014	3.303.471.887
Giá vốn - hợp đồng xây dựng	23.762.166.707	14.994.228.728
	<u>27.528.092.721</u>	<u>18.297.700.615</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.698.367	5.409.232
	<u>9.698.367</u>	<u>5.409.232</u>

3004.
CÔN
ACH NH
KIỂM
AFC V
1 - TR

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí lãi vay	2.286.796.499	2.405.891.851
	2.286.796.499	2.405.891.851

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên	2.370.253.970	2.740.217.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	245.740.316	241.233.372
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	97.551.512
Chi phí hội nghị, tiếp khách	690.879.441	898.458.729
Chi phí xăng xe, công tác	189.450.453	267.274.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	550.424.218	232.707.254
Các chi phí khác	369.697.999	478.221.004
	4.420.446.397	4.955.663.341

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	136.363.636
Thu nhập khác	7.741.240	124.017.200
	7.741.240	260.380.836

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí thanh lý tài sản	188.400.000	-
Phạt vi phạm hành chính	175.043.484	16.599.888
	363.443.484	16.599.888

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.985.428.540	6.172.264.874
Chi phí nhân công	4.185.837.448	5.328.649.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	843.419.040	788.912.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.173.398.188	9.275.923.232
Chi phí khác	3.788.653.448	4.648.233.539
	36.976.736.664	26.213.983.179

18995
G TY
EM HUU
TOAN
ET NA
HO C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty ghi nhận khoản phải thu về thanh lý tài sản cố định trị giá 1.500.000.000 VND.

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	35.138.372.727	39.572.735.208
	<u>35.138.372.727</u>	<u>39.572.735.208</u>

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	32.274.140.921	34.776.478.123
	<u>32.274.140.921</u>	<u>34.776.478.123</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và tổng nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2016			
Vay và nợ thuê tài chính	33.784.213.483	17.515.343.500	51.299.556.983
Phải trả người bán	980.894.545	-	980.894.545
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.231.884.364	218.050.000	1.449.934.364
	35.996.992.392	17.733.393.500	53.730.385.892
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Vay và nợ thuê tài chính	28.290.109.677	20.145.215.500	48.435.325.177
Phải trả người bán	6.274.547.770	-	6.274.547.770
Phải trả khác và chi phí phải trả	5.679.360.303	218.050.000	5.897.410.303
	40.244.017.750	20.363.265.500	60.607.283.250

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
 44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất của mình vào các khoản vay. (Thuyết minh số 5.8, 5.9, 5.18.1 và 5.18.2).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2016 và 31/12/2015.

Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	24.025.818.375	34.620.173.642	24.025.818.375	34.620.173.642
<i>Phải thu khác - bên liên quan</i>	10.364.623.369	12.448.468.369	10.364.623.369	12.448.468.369
<i>Phải thu khác</i>	1.286.585.908	1.149.166.435	1.286.585.908	1.149.166.435
<i>Cho vay - bên liên quan</i>	32.997.371.358	24.530.217.358	32.997.371.358	24.530.217.358
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	250.000.000	-	250.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	1.918.759.285	8.477.452.768	1.918.759.285	8.477.452.768
Tổng cộng	70.593.158.295	81.475.478.572	70.593.158.295	81.475.478.572
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ thuê tài chính</i>	51.299.556.983	48.435.325.177	51.299.556.983	48.435.325.177
<i>Phải trả người bán - các bên liên quan</i>	322.731.414	328.840.313	322.731.414	328.840.313
<i>Phải trả người bán</i>	658.163.131	5.945.707.457	658.163.131	5.945.707.457
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	1.449.934.364	5.897.410.303	1.449.934.364	5.897.410.303
Tổng cộng	53.730.385.892	60.607.283.250	53.730.385.892	60.607.283.250

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ/năm tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

00044
 CÔNG
 ÁCH NHIỆ
 KIỂM
 FC VIỆ
 - TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

9. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

- Lĩnh vực xây dựng: bao gồm các hoạt động xây dựng, xây lắp và tư vấn thiết kế...;
- Lĩnh vực kinh doanh khu du lịch và khách sạn: bao gồm khách sạn, nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải khát, kinh doanh dịch vụ lữ hành và các dịch vụ du lịch khác.

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Lĩnh vực xây dựng VND	Lĩnh vực kinh doanh khách sạn VND	Phần quản lý chung không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.598.161.800	5.762.097.123	-	32.360.258.923
Doanh thu tài chính	9.698.367	-	-	9.698.367
Thu nhập khác	-	7.741.240	-	7.741.240
Tổng doanh thu và thu nhập khác	26.607.860.167	5.769.838.363	-	32.377.698.530
Giá vốn hàng bán	23.762.166.707	3.765.926.014	-	27.528.092.721
Chi phí tài chính	-	-	2.286.796.499	2.286.796.499
Chi phí bán hàng	-	22.573.112	-	22.573.112
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.420.446.397	-	-	4.420.446.397
Chi phí khác	-	-	363.443.484	363.443.484
Tổng chi phí	28.182.613.104	3.788.499.126	2.650.239.983	34.621.352.213
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.574.752.937)	1.981.339.237	(2.650.239.983)	(2.243.653.683)
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				
Tài sản phân bổ trực tiếp của bộ phận	154.011.493.910	31.988.951.671	-	186.000.445.581
Tài sản được theo dõi và quản lý chung	-	-	-	-
Tổng tài sản	154.011.493.910	31.988.951.671	-	186.000.445.581
Nợ phải trả phân bổ trực tiếp của bộ phận	57.447.394.868	1.033.984.898	-	58.481.379.766
Tổng nợ phải trả	57.447.394.868	1.033.984.898	-	58.481.379.766

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với

995-C
CÔNG TY
HỮU HỮU
TOÁN
T NAM
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ông Nguyễn Chí Linh – chuyển nhượng vốn	9.900.000.000	12.000.000.000
	9.900.000.000	12.000.000.000
<i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</i>		
	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Tiền lương	428.603.000	593.130.000
Phụ cấp	5.500.000	8.400.000
	434.103.000	601.530.000

Công ty có phát sinh chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang

Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Bán hàng	36.436.083	-
Chi phí dịch vụ	54.764.639	70.226.979

Công ty TNHH Nhật Linh

Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu xây lắp công trình	21.865.202.424	2.925.478.698
Doanh thu cho thuê mặt bằng	-	120.000.000

Công ty TNHH Thiết bị điện LIOA

Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Mua thiết bị	21.666.572.838	-

Số dư với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản phải thu		
• Công ty TNHH Nhật Linh	20.458.548.767	20.458.548.767
• Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang	40.079.691	-
• Công ty cổ phần Điện Điện Nhiệt LIOA	11.515.000	11.515.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9
44 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Số dư với các bên có liên quan (tiếp theo)

Các khoản phải thu khác		
• Công ty cổ phần Điện Địa Nhiệt LIOA – chi hộ	464.623.369	448.468.369
Phải trả người bán		
• Công ty cổ phần du lịch xanh Nha Trang – mua dịch vụ	322.731.414	328.840.313
Trả trước cho người bán		
• Công ty TNHH Nhật Linh	26.730.047	26.730.047
• Công ty TNHH Thiết bị điện LIOA	231.963.436	231.963.436

10.2 Thông tin khác

Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2015 số 120/2016/VE9-PH ngày 19 tháng 7 năm 2016, Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức theo công văn số 121/2016/VE9-PH ngày 19 tháng 7 năm 2016, chi tiết như sau:
Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO9;
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND;
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 927.693 cổ phiếu;
Ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức: 05/07/2016.

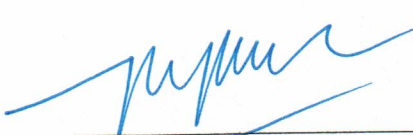
Kết quả phát hành cổ phiếu:

Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 927.448 cổ phiếu;


Số cổ đông được phân phối: 636 cổ đông;

Phương thức xử lý số lượng cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức năm 2015 sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn xuống sẽ được hủy bỏ;

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Công ty là 12.523.613 tương ứng vốn điều lệ 125.236.130.000 VND (số lượng cổ phiếu quỹ: 0).


HỒ NGỌC QUỐC THÁI
Người lập biểu


LÊ NGỌC ANH
Kế toán trưởng


NGUYỄN CÔNG QUYÊN
Giám đốc
Khánh Hòa, ngày 08 tháng 8 năm 2016